

# LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỐ BỐN

## QUYỂN 23

### 1. Nói về bốn niệm trụ:

Từ phần thứ ba này, nói về Bốn niệm trụ, trong đó chia làm hai: a. Nói về tướng riêng niệm trụ; b. Nói về tướng chung niệm trụ.

- Nói tướng riêng niệm trụ. Luận chép: đã nói hai môn nhập và tu như thế, nhờ hai môn này, tâm mới được định, tâm được định rồi, thì có gì để tu.

Tụng rằng:

*Y đã tu Thánh chỉ  
Là quán tu niệm trụ  
Dùng tự tướng, cộng tướng  
Quán thân, thọ, tâm, pháp  
Tự tánh tuệ văn thấy,  
Còn tướng tạp sở duyên  
Nói sinh theo thứ lớp  
Trị đảo nên chỉ bốn.*

Giải thích: Dựa vào đã tu thành chỉ, là quán tu niệm trụ.

Dựa vào hai môn trước đã tu thành chỉ. Chỉ, tiếng phạm là Xa-Ma-tha, Hán dịch là Chỉ, kế phải quán tu bốn niệm trụ. Quán: tiếng Phạm là Tỳ-bát-xá-na, tức là tuệ. Dùng tự tướng, cộng tướng quán thân, thọ, tâm pháp, là giải thích: Hoặc dùng tự tướng, hoặc dùng cộng tướng, quán riêng thân, thọ, tâm, pháp. Thân, thọ, tâm, pháp mỗi thứ đều có tự tánh riêng, gọi là Tự tướng.

Sắc do bốn đại chủng tạo thành là tự tánh của thân. thọ là tánh thọ. Tâm là tâm tán, trừ ba thứ này các pháp còn lại gọi là tự tánh của pháp. Tất cả hữu vị đều là tướng chẳng thường, (có cả Đạo đế), tất cả hữu lậu đều là tánh khổ; chỉ có khổ đế, tập đế và tất cả pháp, không, chẳng phải tánh của ngã, có cả bốn đế và hư không, chẳng phải trạch diệt. Đây chẳng phải thường v.v... các pháp có chung gọi là cộng tướng, cộng tướng quán riêng. Nghĩa là quán thân và pháp hữu vi khác đều

chẳng phải tướng thường; cùng các hữu lậu khác đều là tướng khổ. Cùng với tất cả pháp đều là không, chẳng phải tướng Ngã. Thọ v.v... cũng vậy.

Hỏi: Làm sao biết được niệm trụ thành tựu tròn đầy?

Đáp: quán thân cho đến lúc một cực vi một sát-na gọi là thân niệm trụ tròn đầy. Quán thọ, tâm, pháp cho đến một sát-na gọi là thọ v.v... tròn đầy. Vì chẳng phải sắc, không có một cực vi.

Tự tánh của các tuệ như văn tuệ v.v... còn tướng tạp sở duyên: là nêu ra thể. Niệm trụ có ba:

a. Tự tánh niệm trụ: lấy tuệ làm thể, ở đây có cả ba tuệ. Tuệ gọi là Niệm trụ: Nghĩa là do năng lực của niệm khiến tuệ trụ cảnh, hoặc do năng lực của tuệ khiến niệm trụ cảnh, nên gọi là niệm trụ.

b. Tướng tạp niệm trụ: Nghĩa là tuệ và các pháp câu hữu tương ứng với tuệ. Bốn tướng là thể, vì lẫn lộn nhau, gọi là tướng tạp.

c. Sở duyên niệm trụ: Nghĩa là thân, thọ, tâm, pháp là thể. Đây là cảnh sở duyên niệm trụ. Cho nên trong ba thứ, tướng tạp niệm trụ sẽ dứt bỏ phiền não, vì nó thuộc tuệ. Tự tánh không thể dứt hoặc, vì quá giảm sút. Dứt phiền não nhất định cần tuệ giải và pháp câu hữu. Tự tánh chỉ có tuệ nên quá giảm. Sở duyên niệm trụ không thể dứt hoặc vì quá tăng. Vì có khi chẳng phải câu hữu là quá tăng.

Sở duyên niệm trụ lại có ba thứ: 1. Duyên thân nối tiếp của tự. 2. Duyên thân nối tiếp của tha. 3. Duyên nối tiếp của mình và người. Thân, thọ, tâm, pháp, mỗi thứ có ba, duyên cả tự tha nối tiếp khác nhau. Thân, thọ, tâm, pháp mỗi thứ có ba cộng thành mười hai. Nói sinh theo thứ lớp: nói thứ lớp bốn niệm trụ, theo trước sau mà sinh. Nghĩa là thân thô nhất, thứ đến là thọ, kế nữa là tâm, pháp vi tế nhất vì thuộc Niết-bàn. Vì tùy theo cảnh thô nên quán trước, vì vậy thân niệm trụ sinh trước tiên. Lại, Luận chép: Hoặc các dục tham chuyển biến ở thân, nên bốn niệm trụ quán do tâm không điều hòa, không điều hòa của tâm do hoặc chưa dứt. Vì trong pháp bao gồm hoặc, nên pháp là thứ tư. Vì thế quán thọ v.v... thứ lớp như vậy.

Bốn niệm trụ này, quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đối trị bốn điên đảo là: Thường, lạc, ngã, tịnh nên chỉ lập bốn. Luận chép: Trong bốn thứ, ba thứ trước chỉ gọi là bất tạp duyên; loại thứ tư sở duyên có cả tạp duyên, bất tạp duyên. Nếu chỉ quán pháp gọi là bất tạp duyên. Nếu quán thân v.v... lại thêm thọ, tâm hoặc pháp; quán sát chung như thế gọi là tạp duyên. Giải thích: Đối với bốn niệm trụ như: thân v.v... hoặc hai hợp duyên, hoặc ba hợp

duyên, hoặc chung bốn hợp duyên. Vì lẫn lộn thân v.v... gọi là Tạp duyên.

## 2. Nói về tổng tướng duyên:

Từ phần thứ hai này, nói về tướng duyên chung. Luận chép: Như vậy thành thực tu tạp duyên như thân v.v... pháp niệm trụ rồi thì sở tu thế nào?

Tụng rằng:

*Bỉ cư pháp niệm trụ  
Quán chung bốn sở duyên  
Tu vô thường và khổ  
Hành tướng không, vô ngã.*

Giải thích: Nói bỉ cư: Bỉ là quán hạnh, cực là tổng tạp pháp niệm trụ. Quán chung bốn cảnh sở duyên như thân v.v... tu bốn hành tướng. Nghĩa là chẳng phải thường v.v... Địa vị tướng riêng trước có tạp duyên, hoặc hai hợp, ba hợp, bốn hợp. Nay tạp duyên này chỉ có bốn tướng duyên chung và tướng riêng ở trước. Tướng chung niệm trụ chỉ là tổng tạp pháp niệm trụ.

## 3. Nói về bốn gốc lành như Noãn v.v...

Từ phần thứ bốn này, nói bốn thiên căn như noãn v.v... Trong đó có năm: 1. Nói về quán hạnh gốc lành; 2. Nói rộng các môn; 3. Nói về gốc lành tốt đẹp; 4. Nói về sự chuyển căn của ba thừa; 5. Nói về tu quả xa gần.

- Nói về quán hạnh. Luận chép: tu quán này rồi, sinh gốc lành gì?

Tụng rằng:

*Từ đây sinh pháp Noãn  
Quán đủ bố Thánh đế,  
Tu mười sáu hành tướng  
Kế sinh đánh cũng vậy  
Hai gốc lành như vậy  
Điều sơ pháp sau bốn  
Kế nhãn chỉ pháp niệm  
Phẩm trung-hạ giống đánh  
Trên chỉ quán khổ dục  
Một hạnh một sát-na  
Thế đệ nhất cũng vậy  
Điều tuệ năm trừ đắc.*

Giải thích: Từ đây sinh pháp Noãn: Từ tướng chung niệm trụ này

thành tựu rồi, kế là sinh pháp Noãn. Pháp này như tướng nóng của lửa đặt tên là pháp noãn. Thánh đạo như lửa có công năng thiêu đốt củi phiền não. Tướng trước là của bậc Thánh, nên gọi là Noãn. Ở địa vị này quán đủ bốn Thánh đế tu mười sáu hành tướng. Ở đây nói về giai đoạn Noãn. Gốc lành Noãn này, phần vị của nó mạnh mẽ có thể quán đủ Bốn Thánh đế và có thể tu đủ mười sáu hành tướng. Quán khổ Thánh đế, tu bốn hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, quán tập Thánh đế, tu bốn hành tướng nhân, tập, sinh, duyên, quán diệt Thánh đế tu bốn hành tướng diệt, tịnh diệu, ly, quán, đạo Thánh đế, tu bốn hành tướng đạo, như, hành, xuất. Nghĩa của các tướng sẽ giải thích ở sau. Kế sinh pháp đánh cũng vậy. Tu gốc lành Noãn có hạ-trung-thượng, đến khi thành tựu tròn đầy, có gốc lành sinh ra, gọi là pháp Đánh, giai vị này cũng quán bốn đế, tu mười sáu hành tướng, giống với vị Noãn ở trước nên nói cũng vậy. Hai gốc lành Noãn, Đánh đều gọi là động thiện, vì có thể thôi động. Trong động gốc lành, đánh là thù thắng nhất, như đỉnh đầu của con người nên gọi là pháp Đánh. Lại nữa, Nhẫn vị là tiến lên, Noãn vị là lui sụt lui. Đánh vị này ở giữa hai chặng mé tiến-thối, giống như đỉnh núi nên gọi là Đánh. Hai gốc lành này đều là sơ pháp sau bốn, hai gốc lành Noãn, Đánh. Lúc đầu an túc đều là pháp niệm trụ, lúc sau tăng tiến chung với bốn niệm trụ. Sơ an túc: đó là Noãn Đánh này, dùng mười sáu hành tướng, đầu tiên bước vào dấu vết của bốn Thánh đế, gọi là sơ an túc, tức là sơ khởi. Nghĩa là trong thấy đạo chỉ có pháp niệm trụ vì noãn vị, đánh vị thuận với thấy đạo, nên sơ an túc chỉ có pháp niệm trụ. Kế là Nhẫn chỉ có pháp niệm: Từ gốc lành Đánh có gốc lành sinh gọi là pháp Nhẫn. Nó đối với lý Bốn đế có tâm nhẫn cao nhất, lại không còn lưu sứt, gọi là pháp Nhẫn. Sơ an túc và hậu tăng tiến của nhẫn chỉ có pháp niệm trụ gần với thấy đạo nên sơ an túc và hậu tăng tiến đều là pháp niệm trụ.

#### **4. Dẫn tụng để làm sáng tỏ:**

Tụng chép: Hạ-trung-phẩm đồng với đánh: Gốc lành Nhẫn này có ba phẩm hạ-trung-thượng. Hai bậc hạ-trung giống với đánh vị trước. Nó quán đủ bốn đế, tu mười sáu hành tướng. Thượng chỉ quán một hành (hành tướng khổ) một sát-na của khổ để cõi Dục. Nhẫn vị thượng phẩm chỉ quán dục khổ, chỉ dùng tâm một hành một sát-na gọi là nhẫn phẩm thượng. Nay lược nói phẩm hạ-trung-thượng của Nhẫn vị: như phẩm hạ của nhẫn vị quán đủ bốn đế, tu mười sáu hành. Nhẫn phẩm trung vị giảm duyên, giảm hành, tám đế của nhẫn phẩm thượng và nhẫn phẩm hạ gọi là duyên, cảnh sở duyên. Bốn đế của cõi trên có mười sáu hành

tướng. Bốn đế của cõi Dục có mười sáu hành tướng, cộng chung gồm ba mươi hai hành tướng, gọi là hành, hành năng duyên. Nên biết trải quả bảy vòng giảm duyên, hai mươi bốn vòng giảm hành. Nghĩa là dùng bốn hành tướng quán khổ đế của cõi Dục, như thế cho đến dùng bốn hành tướng, quán đạo đế của cõi Dục, sau dùng ba hành tướng, quán Đạo đế cõi trên, giảm một hành tướng còn lại gọi là vòng thứ nhất.

Lại dùng bốn hành tướng, quán khổ đế của cõi Dục, như thế cho đến sau dùng hai hành tướng quán đạo đế của cõi trên giảm hai hành tướng còn lại, gọi là vòng thứ hai.

Lại dùng bốn hành tướng, quán khổ đế của cõi Dục, như thế cho đến dùng một hành tướng, quán đạo đế của cõi trên giảm ba hành tướng còn lại, gọi là vòng thứ ba.

Lại dùng bốn hành tướng, quán khổ đế của cõi Dục, như thế cho đến dùng bốn hành tướng, quán đạo đế cõi Dục, không quán Đạo đế của cõi trên, gọi là giảm duyên. Lúc giảm duyên, tuy cũng thuộc giảm hành, giảm duyên: nhưng không gọi là giảm hành. Đây là vòng thứ tư, tức là thuộc một vòng giảm duyên.

Nếu giảm đạo đế của cõi trên, như thế giảm hành tướng của bảy đế còn lại thì cũng vậy. Chỉ ở trong duyên không giảm khổ đế của cõi Dục, giảm bảy đế còn lại gọi là bảy vòng giảm duyên.

Nói chung, tám đế của nhãn phẩm thượng và sau nhãn phẩm hạ, mỗi thứ giảm ba hành tướng. Đó là vì giữ lại một hành tướng sau của khổ đế ở cõi Dục không giảm. bảy đế còn lại, một hành tướng còn lại và duyên cùng giảm. Nhưng nói ba hành tướng, ba hành tướng với tám đế là hai mươi bốn, gọi là hai mươi bốn vòng giảm hành. Sự thật mà nói thì có ba mươi một vòng giảm hành, nhưng cho rằng bảy hành còn lại, thuộc giảm duyên, vì vậy chỉ nói hai mươi bốn vòng, ở trong giảm hành lúc đầu giảm một hành, gọi là đầu tiên của nhãn phẩm trung, như thế cho đến lúc giảm hai hành tướng sau của khổ đế ở cõi Dục. Chỉ có tâm hai sát-na quán hai hành tướng khổ của khổ đế thuộc cõi Dục, gọi là nhãn phẩm trung thành tựu tròn đầy.

Chỉ có tâm một sát-na quán một hành tướng khổ của khổ đế thuộc cõi Dục, gọi là thượng nhãn.

Theo trung nhãn này, lúc chưa giảm đạo đế, tuy giảm hành tướng nhưng còn quán đạo đế. Vì thế được tu đầy đủ bốn đế.

Tụng nói: Trung phẩm nhãn giống đánh vị quán bốn đế, là theo đây mà nói. Đến nhãn phẩm trung trọn vẹn, chỉ quán một đế, không đủ bốn đế. Lại nữa, lúc trung phẩm nhãn chưa giảm đạo đế, tu mười sáu

hành tướng, ở đây nói tu chỉ là được tu hành. Tuy khởi chỉ có một thể khởi đắc hai. Tu mười sáu hành tướng sau của bốn đế ở vị lai nên nói là Tu. Tụng nói, trung nhẫn đồng với đẳng vị ở trước tu mười sáu hành tướng là theo nhẫn phẩm trung này chưa giảm đạo đế mà nói. Nếu nhẫn phẩm trung này lúc giảm đạo đế thì chỉ tu mười hai hành tướng, không phải mười sáu hành tướng. Đã giảm đạo đế kia, tâm không ưa thích nên bốn hành tướng sau đạo đế kia cũng không khởi tu đắc. Do đạo lý này, lúc giảm diệt đế chỉ tu tám hành tướng. Nghĩa là không tu bốn hành tướng của mỗi thứ sau diệt đế, đạo đế kia. Lúc giảm tập đế chỉ tu bốn hành tướng. Nghĩa là chỉ tu bốn hành tướng sau của khổ đế.

Vì vậy, ở nhẫn phẩm trung tu mười sáu hành tướng, mười hai hành tướng, tám hành tướng, bốn hành tướng.

Ở địa vị thượng nhẫn cũng tu bốn hành tướng, chỉ khởi tâm một hành một sát-na tâm để quán khổ, nên có thể khởi đắc, tu bốn hành tướng trong khổ kia.

### 5. Hỏi đáp về các hành tướng:

Hỏi: Ở giai vị thượng nhẫn giảm ba hành tướng, vì sao tu hành tướng giảm kia?

Đáp: Tuy giảm hành tướng kia nhưng không giảm đế, khởi tâm ưa thích nên được tu các hành tướng đã giảm kia. Ở giai vị nhẫn bậc trung tu các hành tướng đã giảm, nói theo lý này, trong ba mươi hai hành tướng chỉ giữ lại một hành tướng trong khổ đế ở cõi Dục, định nhập vào thấy đạo cần phải lưu lại.

Còn ba mươi một hành tướng còn lại như thứ lớp đã gọi, từ sau đến trước dần dần trừ đi, duyên đã theo sau để trừ thì hành cũng theo sau mà giảm.

Hỏi: Một hành trong khổ đế là lưu lại hành nào?

Đáp: Người nhập vào thấy đạo có hai hạng: 1. Lợi căn: đó là kiến hành. Kiến hành có hai: nếu chấp ngã giữ lại hành vô ngã, chấp ngã sở thì giữ lại hành không. 2. Độn căn: cũng có hai: Ngã mạn tăng thì giữ lại hành vô thường, biếng nhác tăng thì giữ lại hành khổ. Lại nữa, luận sư Đức Quang người phương Tây giải thích giảm hành rằng: Bốn hành tướng khổ đế của cõi Dục theo sau để trừ, như lưu lại vô thường, nhập vào thấy đạo; trước giảm vô ngã, tiếp theo giảm không, sau giảm khổ. Nếu lưu hành khổ, nhập vào thấy đạo, trước giảm vô ngã, kế giảm không, sau giảm vô thường. Nếu lưu lại hành không, nhập vào thấy đạo, trước giảm vô ngã, tiếp theo giảm khổ, sau giảm vô thường. Nếu lưu lại vô ngã, nhập vào thấy đạo, trước giảm không, tiếp theo giảm khổ, sau

giảm vô thường. Giảm khổ đế cõi Dục, bốn hành tướng đã vậy thì giảm bốn hành tướng của bảy đế khác cũng vậy. Nghĩa là bảy đế còn lại, mỗi đế có bốn hành tướng và bốn hành tướng khổ đế ở cõi Dục thuộc nhau như thứ lớp đã gọi. Nghĩ phải tương đương để nói về giảm của nó. Nếu vô thường nhập vào thấy đạo, thì đối với đạo đế của cõi trên, trước giảm xuất, tiếp theo giảm hành, kế giảm Như, sau giảm đạo, vì đạo thuộc vô thường nên giảm sau. Nếu dùng hành khổ nhập vào thấy đạo thì đối với đạo đế của cõi trên, trước giảm xuất, kế giảm hành, kế nữa giảm đạo, sau giảm như, vì như thuộc khổ nên giảm sau. Nếu dùng hành không nhập vào thấy đạo, đối với đạo đế của cõi trên, trước giảm xuất tiếp theo giảm Như, kế nữa giảm đạo sau giảm hành. Vì hành thuộc không nên hành giảm sau. Nếu dùng vô ngã nhập vào thấy đạo, đối với đạo đế của cõi trên. Trước giảm Hành, kế giảm Như, kế nữa giảm Đạo, sau giảm Xuất, vì xuất thuộc vô ngã nên giảm sau.

Giảm sáu đế khác, mỗi đế có bốn hành tướng, theo trước mà nói về chúng. Vì nó bao gồm cả nghĩa trước. Nên luận chép: Đó là các sư phái Du Già đối với cõi Sắc, cõi Vô Sắc đối trị đạo đế Đẳng v.v... là bảy đế còn lại mỗi mỗi sở duyên bảy đế trên của hành tướng Thánh đế ba mươi hai hành dần dần giảm, dần dần lược là nói về nghĩa giảm cho đến có hai niệm tác ý, tư cảnh khổ Thánh đế của cõi Dục, đều từ đây trở xuống, gọi là vị trung nhẫn. Tứ giai vị này không xen hở khởi gốc lành thù thắng. Một sát-na quán một hành khổ gọi là nhẫn phẩm thượng. Gốc lành này khởi vì không nối tiếp. Giải thích rằng: Chỉ có một niệm, cho nên không nối tiếp, nghĩa như trước đã nói. Thế đệ nhất cũng vậy, từ nhẫn phẩm nối tiếp sinh pháp Thế đệ nhất. Thế đệ nhất này chỉ duyên với khổ của cõi Dục. Chỉ có tâm một sát-na một hành đồng với thượng nhẫn ở trước, nên nói cũng vậy. Vì hữu lậu này gọi là thế gian, ở trong thế gian là hơn hết nên gọi là Đệ nhất. Thế đệ nhất này có năng lực sử dụng, xa lìa nhân đồng loại, dẫn sinh thấy đạo nên gọi là hơn hết. Đều là tuệ năm trừ đắc: Là đưa ra thể, vì tánh của bốn niệm trụ như noãn v.v... đều lấy tuệ làm thể. Nếu cùng giúp đỡ đều là tánh năm uẩn, có Định cộng giới gọi là sắc uẩn, bốn uẩn còn lại có thể hiểu. Bốn gốc lành như noãn v.v... này có khả năng đặc đặc, đặc trong thể của giúp bạn không phải thể của bốn gốc lành như noãn v.v... nên nói trừ đắc. Sau khi xuất thấy đạo có pháp hậu đắc. Đắc noãn v.v... này, trên đắc noãn v.v... thì chân dung bậc Thánh hiện hành. Nếu Noãn v.v... này lấy đắc làm thể, há có gốc lành như noãn v.v... của bậc Thánh lại hiện ra ư? Nghĩa là bốn gốc lành như noãn v.v... Thánh đạo gia hạnh, đặc quả Thánh rồi, lý



không được khởi, nên thể của Noãn v.v... chẳng phải đắc.

### 6. Nói rộng các môn:

Từ phần thứ hai này, là nói rộng các môn. Luận chép: đã nói về thể tướng của gốc lành được sanh ra, nay tiếp theo nói về sự khác nhau của nó. Tụng chép:

*Phần Thuận quyết trạch này  
Bốn đều do tu mà thành  
Sáu địa hai hoặc bảy  
Nương chín thân cõi Dục  
Ba nữ nam được hai,  
Thứ tư, nữ cũng vậy  
Thánh do mất địa xả  
Chúng sinh do qua đời  
Hai thứ đầu lui xả  
Dựa gốc sẽ thấy đế  
Xả (rồi) đắc chẳng trước  
Tánh hai xả chẳng đắc.*

Giải thích: câu một là nêu, câu hai nói thuộc về tu, câu ba nói y địa, câu bốn nói y thân, câu bốn, năm nói nam nữ được hai, câu bảy, tám, chín nói xả tướng, câu mười nói đắc xa gần, câu mười một nói đắc chẳng phải đầu tiên, câu mười hai nói xả thể. Phần thuận quyết trạch này là nêu, bốn gốc lành như noãn v.v... này gọi là thuận quyết trạch phần, ba thứ Thánh đạo, thấy đạo, tu đạo, Vô học đạo đều gọi là quyết trạch. Quyết là quyết đoán, sẽ dứt nghi. Trạch là giản trạch. Nghĩa là có thể phân tướng riêng của Bốn đế. Thấy đạo gọi là quyết trạch phần, là một phần trong quyết trạch. Tứ gốc lành như Noãn v.v... này dẫn đến Thấy đạo, có thể thuận với thấy đạo, gọi là phần thuận quyết trạch, bốn (gốc lành) đều do tu mà thành bốn gốc lành như Noãn v.v... này dựa vào định địa do tu mà sở thành sáu địa: là môn y địa, bốn gốc lành như Noãn v.v... dựa chung vào sáu địa. Nghĩa là bốn tĩnh lự, Vị Chí, Trung gian. Trong cõi Dục không có, chẳng phải định địa. Cõi Vô Sắc cũng không. Nghĩa là bốn gốc lành như noãn v.v... là quyết thuộc của Thấy đạo. Cõi Vô Sắc không có Thấy đạo nên không có Noãn v.v... hai hoặc bảy, hai là Noãn, Đảnh, có chỗ cho rằng hiển bày thuyết của ngài Diệu âm ngài Diệu âm nói Noãn, Đảnh cùng dựa vào bảy địa. Đối với sáu trước lại thêm cõi Dục. Dựa vào chín thân của cõi Dục: là môn y thân, bốn gốc lành như Noãn v.v... này chỉ dựa vào thân trời người cõi Dục để phát khởi, trừ châu Câu-lô ở phía Bắc, ba châu, cõi người và sáu tầng trời cõi



Dục. Thân người ở chín nơi này khởi chỉ dựa vào dục, vì có khả năng nhằm chán khổ. Ba gốc lành trước, sơ khởi ba châu, sau sinh sáu tầng trời cũng tiếp tục hiện ra. Gốc lành thứ tư cũng sơ khởi cõi trời. Nghĩa là gốc lành thứ bốn chỉ có một niệm, nên cõi trời người đều đắc sơ khởi. ba nữ, nam được hai, bốn gốc lành này, chỉ dựa vào nam, nữ chẳng phải phiền-đê v.v... ba gốc lành trước nam, nữ được hai, đồng thời nam được hai, nghĩa là nam được gốc lành của nam và được gốc lành của nữ. Nữ được hai: Đó là nữ được gốc lành của nữ và gốc lành của nam, nên gọi là được hai, vì ba gốc lành như Noãn v.v... nam có thể chuyển hình thành nữ, nữ có thể chuyển thành nam, ba gốc lành như Noãn v.v... nữ, nam được hai, nữ thứ tư cũng vậy: thiên căn thứ tư nữ được hai thứ, đồng với Noãn v.v... ở trước, nên nói cũng vậy. Nghĩa là nữ được gốc lành nữ và được gốc lành nam, vì nữ có thể ba xoay hình thành nam. Nếu gốc lành thứ bốn thì nam chỉ được một. Nghĩa là nam chỉ được gốc lành của thân nam, mà không được tuệ căn nữ. Đã được thân nữ phi trạch diệt. Thánh do mất địa mà xả, chúng sinh do qua đời: là nói nghĩa xả: Bạc Thánh xả bốn gốc lành như noãn v.v... Do mất địa mà xả. Nghĩa là dựa vào địa này được gốc lành này, nếu dời đến địa trên thì địa này liền mất. Lúc mất địa này, gốc lành mới xả. Nếu ở địa này chết lại sinh vào địa này, vì không mất địa nên Noãn v.v... không xả, nếu dị sanh xả chỉ do qua đời. Chúng sinh đối với địa mất và không mất chỉ có lúc qua đời, chắc chắn xả Noãn v.v... Đó là do chúng sinh không có tư lương thấy đạo, nên lúc qua đời đều xả. Hai thứ đầu cũng lui sụt xả: Nghĩa là chúng sinh đối với Noãn, Đảnh cũng do thối xả, chẳng phải bạc bậc Thánh. Chúng sinh đối với Nhẫn và Thế đệ nhất cũng không thối xả. Dựa vào gốc sẽ thấy đế: Nếu các chúng sinh dựa vào bốn căn bản khởi Noãn v.v... chúng sinh đối với sinh ra Noãn v.v... này, chắc chắn nhập thấy đạo, tâm nhằm chán sinh tử rất dữ dội. Xả rồi đắc chẳng phải đầu tiên. Xả Noãn v.v... rồi, sau lại tu đắc, sở đắc chẳng phải là sở xả ở trước, chỉ đắc pháp nào trước kia chưa đắc, vì các gốc lành như Noãn v.v... chưa hề tu thuần thục, phải đại gia hành mới tu đắc. Cho nên đắc cái chưa từng đắc, không được cái đã xả ở trước, nếu Noãn v.v... ở trước trải qua nhiều đời cho nên xả, gặp được, phần vị Pháp sư khéo nói, liền sinh Đảnh v.v... Nếu không gặp phần vị thì lại từ noãn tu đắc. Hai tánh xả chẳng phải đắc, thối thất hai xả, vì xả đắc lấy chẳng đắc làm thể.

### **7. Nói về lợi ích cao quý của gốc lành:**

Từ phần thứ hai này, nói về lợi ích cao quý của gốc lành. Luận chép: Đắc gốc lành này có lợi ích cao quý gì?

Tụng chép:

*Noãn sẽ đến Niết-bàn  
Đảnh không hề dứt thiện  
Nhẫn không đọa đường ác  
Đệ nhất nhập ly sinh.*

Giải thích: Noãn vị tuy lui sụt nhưng lại đoạn gốc lành, gây ra nghiệp Vô gián, đọa vào ba đường ác. Nhưng không ở lâu trong vòng sinh tử, chắc chắn đến Niết-bàn. Nếu đắc pháp Đảnh, tuy có lui sụt, chắc chắn không đoạn gốc lành. Nếu đắc pháp Nhẫn, tuy khi chết xả, nhưng không có lui sụt, không đọa vào đường ác. Nếu nhẫn phẩm hạ, đối với ba đường ác, đắc phi trạch diệt. Nếu đến nhẫn phẩm thượng, đối với noãn sinh, thấp sinh và trời Vô Tướng, Châu Câu-lô ở phía Bắc, Đại Phạm vương, phiến-đệ, Bán-trạch-ca, thân hai hình v.v... Đồng thời thế thì dứt hoặc ở trong thân sinh xứ này có hoặc, đắc phi trạch diệt. Vì nhẫn phẩm thượng, chắc chắn nhập thấy đạo, đắc thành quả Thánh, cho nên đối với Noãn sinh v.v... đắc phi trạch diệt. Nếu kiến đoạn hoặc, tuy chưa dứt nhưng vì chúng chắc chắn không khởi lên, nên đắc phi trạch diệt. Pháp thế đệ nhất, tuy chúng sinh này có thể sanh tội Vô gián, nhập vào chánh tánh ly sinh. Chánh tánh ly sinh gọi là Thấy đạo.

### **8. Nói về chuyển căn của ba thừa:**

Từ phần thứ bốn này, nói về chuyển căn của ba thừa. Luận chép: Bốn gốc lành này, mỗi gốc lành có ba phẩm, do Thanh văn v.v... đồng với Độc giác và Phật chủng tánh khác nhau, tùy theo chủng tánh nào, mà gốc lành đã sinh, có thể dời chuyển, hướng về thừa khác hay không?

Tụng chép:

*Chuyển chủng tánh Thanh văn  
Hai Thánh Phật ba dư (Độc giác)  
Lân giác, Phật không chuyển  
Vừa ngồi liền thành giác.*

Giải thích: Chủng tánh Thanh văn, hai gốc lành như Noãn, Đảnh có thể chuyển thành Phật. Nếu được Nhẫn vị thì không có lý thành Phật. Vì Bồ-tát lâm lợi ích cho chúng sinh, chắc chắn trụ vào đường ác, nhẫn vượt qua các đường ác, nên không thành Phật. Nói ba dư: Dư nghĩa là Độc giác, nằm ngoài Phật thừa nên gọi là Dư (khác). Ba gốc lành như Noãn, Đảnh, Nhẫn của chúng tánh Thanh văn có thể chuyển thành Độc giác thừa, gọi là Ba dư. Lân giác độc giác và Phật Thế tôn đối với tánh Noãn vị v.v... chắc chắn không chuyển đổi. Nghĩa là hai bậc Thánh này dựa vào thiện thứ tư, thành chánh giác, nên không thể chuyển đổi.

Tiếng Phạm là Bồ-đề, Hán dịch là giác. Giác của ba thừa đều lấy tâm trí, trí vô sinh làm thể. Nói vừa ngồi: Bắt đầu từ noãn vị cuối đến giác ngộ không rời khỏi tòa. Thiền thứ tư không khuấy động điền đảo, rất lạnh lợi. Thiền có công năng làm sở y cho Lâm giác và Phật.

### 9. Nói về đắc quả gần xa:

Từ phần thứ năm này, nói đắc quả gần xa. Luận chép: Vả lại, có đời này bắt đầu tu gia hạnh, tức đời này dần khởi phần thuận quyết trạch phải không? Không phải vậy thì thế nào?

Tụng rằng:

*Thuận giải thoát phần trước  
Ba đời mau giải thoát  
Văn, tư thành ba nghiệp  
Trồng chỉ người ba châu.*

Giải thích: Phần thuận quyết trạch, nay sinh ra chắc chắn trước sinh ra phần thuận giải thoát, các hữu tu thuận giải thoát phần. Nhanh nhất là ba đời mới được giải thoát. Nghĩa là đời thứ nhất khởi thuận giải thoát phần, đời thứ hai khởi phần thuận quyết trạch, ở đời thứ ba mới được nhập Thánh vị, cho đến đắc A-la-hán.

Thanh văn nhanh nhất là ba đời, chậm nhất là sáu mươi kiếp. Độc giác nhanh nhất là bốn đời chậm nhất là một trăm kiếp. Phần thuận giải thoát, do văn, tư mà thành chỉ là Tán địa, ba nghiệp là thể. Gieo phần giải thoát chỉ có người thuộc ba châu, ba đường ác không gieo phần giải thoát vì không có trí tuệ. Các vị trời cũng không vì không nhàm chán khổ. Châu-câu-lô ở phía Bắc cũng không, vì không có tâm nhàm chán và tâm Bát-nhã. Lại bố thí một bữa ăn, giữ một giới v.v... rất muốn giải thoát, cầu chứng Bồ đề, mong ước hành trì, gọi là gieo trồng phần thuận giải thoát.

### 10. Y theo ba đạo nói về người:

Từ đại văn thứ ba này, y theo ba (Thánh) đạo nói người, trong đó có ba phần: a. Nói về lập ra ba đạo; b. Nói về bảy bậc Thánh; c. Nói các vị Hữu học, Vô học trọn vẹn. Trong phần nói về lập ra ba đạo có hai:

- Nói theo địa vị hiện quán.
- Y theo tu đạo Vô học, trong hiện quán có hai:
  - 1) Nói về mười sáu tâm.
  - 2) Dựa vào địa vị mà lập ra.

Trong phần nói về mười sáu tâm có bốn: a. Nói về mười sáu tâm; a. Nói y địa của mười sáu tâm. c. Nói thứ lớp của nhân trí. d. Nói sự khác nhau giữa thấy đạo tu đạo.

- Nói về mười sáu tâm. Luận chép: trong đây đã nói về các đạo gia hạnh, pháp Thế đệ nhất là sau cùng, nên nói dưới đây là sinh ra đạo gì?

Tụng rằng:

*Thế đệ nhất Vô gián  
Là duyên khổ cõi Dục  
Sinh pháp nhãn vô lậu  
Nhãn, kế sinh pháp trí  
Kế duyên khổ cõi khác  
Sinh loại nhãn, loại trí,  
Duyên tập, diệt, đạo đế,  
Đều sinh bốn cũng thế,  
Mười sáu tâm như thế  
Gọi Thánh để hiện quán  
Đây gồm có ba thứ  
Là kiến, duyên, sự khác.*

Giải thích: từ gốc lành Thế đệ nhất, không xen hở duyên với cảnh khổ Thánh đế của cõi Dục, sinh pháp vô lậu gọi là khổ pháp trí nhãn. Khổ nhãn không xen hở duyên với khổ đế của cõi Dục, kế là sinh pháp trí, gọi là khổ pháp trí. Trí này không xen hở, kế là duyên với cảnh khổ Thánh đế của cõi khác. Hai cõi trên có loại trí nhãn sinh, gọi là Khổ loại trí nhãn. Nhãn này không xen hở duyên với cảnh này, có loại trí sinh, gọi là khổ loại trí. Nếu duyên khổ đế có bốn tâm này, duyên tập đế, diệt đế, đạo đế, mỗi thứ sinh bốn tâm cũng vậy. Nghĩa là sau khổ loại trí duyên với tập đế của cõi Dục, sinh tập pháp trí nhãn. Nhãn này không xen hở, sinh tập pháp trí. Trí này không xen hở duyên với tập đế của hai cõi trên, sanh ra Tập loại trí nhãn, nhãn này không xen hở, sinh ra Tập loại trí, trí này không xen hở, duyên với diệt đế của cõi Dục, sinh ra diệt pháp trí nhãn. Nhãn này không xen hở, sinh ra diệt pháp trí. Trí này không xen hở, duyên với diệt đế của cõi trên, sanh ra loại trí nhãn, nhãn này không xen hở, sinh ra diệt loại trí. Trí này không xen hở duyên đạo đế của cõi Dục, sinh đạo pháp trí nhãn. Nhãn này không xen hở, sinh ra đạo pháp trí. Trí này không xen hở duyên với đạo đế của cõi trên sinh ra đạo loại trí nhãn. Nhãn này không xen hở, sinh ra đạo loại trí. Vì thế đối với bốn đế, mỗi đế có bốn tâm, cộng thành mười sáu tâm.

Khổ pháp trí nhãn: khổ pháp là pháp khổ đế, nhãn duyên với pháp khổ, gọi là Khổ pháp nhãn. Trí là quả (của) nhãn, là quả đẳng lưu, Trí chỉ có vô lậu. Vì hiển bày nhãn này cũng chỉ có vô lậu. Vì nêu quả đẳng

lưu sau, cho là nêu siêng, vì vậy nhãn là Trí. Vì gọi tên theo quả. Như vậy có hoa, quả chẳng phải hoa quả, sinh hoa quả, gọi là cây có hoa quả. Nhãn cũng như vậy, vì sinh pháp trí, gọi là Pháp trí nhãn.

Khổ pháp trí: vì duyên với pháp khổ, gọi là khổ pháp trí. Nhãn trước dứt hoặc gọi là đạo Vô gián. Trí sau chứng diệt, gọi là đạo giải thoát.

Khổ loại trí nhãn và khổ loại trí: Cảnh trí này tương tự với trước, nên gọi là loại. Luận chép: Đầu tiên chứng biết chân lý các pháp, nên gọi là Pháp trí. Cảnh trí sau này tương tự với trước, nên gọi là loại. Như khổ đã vậy, còn tập, diệt, đạo, mỗi thứ có bốn tâm, giải thích theo lý này, suy nghĩ có thể biết mười sáu tâm này, gọi chung là Thánh đế hiện quán, nghĩa là quán Thánh đế hiện ra. Ở đây có ba thứ: 1. Thấy hiện quán: chỉ có tuệ vô lậu, vì thấy đế rõ ràng gọi là thấy hiện quán. 2. Duyên hiện quán: Tuệ vô lậu này và tâm tương ứng tuệ, tâm sở pháp cùng một sở duyên, gọi là sự hiện quán. Dư câu hữu (các pháp câu hữu khác): nghĩa là đạo cộng giới và bốn tướng như sinh v.v... vì là nhân câu hữu, nên gọi là câu hữu. Lại, luận nói đặc khổ pháp trí nhãn, gọi là nhập chánh tánh ly sinh. Thế thì dứt hoặc, làm cho các hữu tình đọa vào đường ác, chịu các thứ khổ dữ dội, giống như sinh sống, ăn uống ở thân hữu tình, tại các việc khổ não, nên gọi là sinh, hoặc do kiến, hoặc khiến các gốc lành không thể thuận thực, nên gọi là sinh. Thấy đạo có thể vượt qua, nên gọi là ly sinh. Nói chánh tánh: Cái gọi là Niết-bàn. Thấy đạo có thể chứng, gọi là chánh tánh ly sinh. Ly sinh của chánh tánh thuộc về y chủ thích. Thấy đạo này gọi là chánh tánh, là chánh tánh của bậc Thánh. Chánh tánh tức là ly sinh, thuộc về trì nghiệp thích. Lại nữa, thấy đạo này hoặc gọi là chánh tánh quyết định. Nghĩa là quyết định được Niết-bàn, hoặc quyết định thấy rõ tướng các đế, nên gọi là quyết định. Nếu chánh tánh là Niết-bàn thì tức là chánh tánh quyết định. Nếu chánh tánh, gọi là thấy đạo thì chánh tánh tức là quyết định. Hai giải thích đồng với trước. Khổ pháp trí nhãn gọi là nhập (lưu). Vì đầu tiên bước vào Thánh đạo nên gọi là Nhập.

### 11. Nói về y địa:

Từ phần thứ hai này, nói về y địa. Luận chép: Đã nói hiện pháp có mười sáu tâm, vậy mười sáu tâm nay nương vào địa nào?

Tụng rằng:

*Cùng với Thế đệ nhất  
Đều nương vào một địa.*

Giải thích: pháp Thế đệ nhất dẫn đến thấy đạo, vì vậy mười sáu

tâm và pháp Thế đế nhất cùng nương theo một địa. Trước đã nói pháp Thế đế nhất dựa chung vào sáu địa. Nay thấy đạo cũng nương vào sáu địa.

### 12. Nói về thứ lớp của Nhẫn Trí:

Từ phần thứ ba này, nói về thứ lớp của Nhẫn-trí. Luận chép: vì sao chắc chắn có Nhẫn trí ấy? Là nói thứ lớp trước sau lẫn lộn khởi lên.

Tụng rằng:

*Nhẫn-trí như thứ lớp  
Đạo Vô gián, giải thoát.*

Giải thích: Nhẫn là Vô gián đạo y theo dứt hoặc mà đắc, không có một ngăn cách nào do dứt hoặc, mà được, nên gọi là Vô gián (không xen hở). Trí là đạo giải thoát. Đã giải thoát hoặc mà đắc, lại cùng với đắc do lìa buộc, cùng khởi lên một lúc, gọi là giải thoát. Thứ lớp Nhẫn-trí tất nhiên là như vậy.

Như người thế gian đuổi cướp ra khỏi nhà, nhẫn như đuổi cướp, trí như đóng cửa nhà.

### 13. Nói về kiến đạo, tu đạo khác nhau:

Từ phần thứ tư này, nói về thấy đạo tu đạo khác nhau. Luận chép: Mười sáu tâm này đều là lý thấy đế. Tất cả có thể nói thuộc về thấy đạo được không? Nếu không được thì vì sao?

Tụng rằng:

*Mười lăm thấy đạo trước  
Vì thấy chưa từng thấy.*

Giải thích: Trừ đạo loại trí, mười lăm tâm trước gọi là Thấy đạo, đối với lý bốn đế, trước chưa thấy nay thấy, thấy cái chưa từng thấy nên được gọi là kiến (thấy). Đến đạo loại trí, không có lý của một đế nào trước chưa thấy nay thấy, như nhờ tu đã từng thấy, nên thuộc về tu đạo.

Hỏi: Như đạo loại nhẫn là lý của đạo đế, đạo loại trí này duyên với đạo loại nhẫn. Đối với đạo loại nhẫn thì trước chưa thấy nay thấy, vì sao đạo loại trí không thuộc thấy đạo?

Đáp: Trong đây theo đế mà không theo sát-na, tuy đối với tâm một sát-na của đạo loại nhẫn, trước chưa thấy nay thấy, đối với tám đế trước sau đều đã từng thấy, nên thuộc tu đạo. Như gặt một đám lúa chỉ còn lại một hạt giống, thì không thể gọi là một đám lúa chưa gặt.

Hỏi: Nhẫn đối với lý của đế, trước chưa thấy nay thấy, có thể gọi là Thấy đạo. Bảy trí trung gian (ở giữa) đã thấy nay lại thấy, vì sao bảy trí cũng thuộc Thấy đạo?

#### 14. Y theo giai vị mà kiến lập:

Từ phần thứ hai này theo giai vị mà lập ra, trong đó có hai: 1. Y theo mười lăm tâm; 2. Y theo tâm thứ mười sáu.

- Y theo mười lăm tâm: luận chép: Theo vị trí mười lăm tâm của Thấy đạo, lập ra các chúng Thánh có sự khác nhau.

Tụng rằng:

*Gọi tùy tín pháp hành  
Do căn lợi, độn khác  
Đều tu hoặc dứt một  
Đến năm hướng sơ quả  
Dứt kế ba, hướng hai,  
Lìa tám địa hướng ba.*

Giải thích: Gọi là tùy tín, pháp hành do căn cơ lợi độn khác nhau. Bậc Thánh ở giai vị thấy đạo có hai: 1. Tùy tín hành; 2. Tùy pháp hành. Do căn cơ chúng sinh có thông minh, chậm lụt mà gọi bằng hai này. Nếu người độn căn thì gọi là Tùy tín hành. Người kia đối với lúc đầu do tín lời người khác nói mà thực hành theo nghĩa, còn người lợi căn gọi là Tùy pháp hành, người ấy lúc đầu do tự xem khế kinh mà thực hành theo nghĩa, tu đủ hoặc dứt một đến năm, Sơ quả hướng: Tức là hai bậc Thánh trước, ở địa thấy đạo lập làm ba hướng. Bài tụng này là sơ quả hướng. Nghĩa là lúc đầu chưa dùng đạo thế tục dứt tu hoặc, gọi là tu đủ hoặc. Đây gọi là người còn bị trói buộc. Dứt một đến năm hướng: Nghĩa là trước tiên địa vị phàm phu dùng đạo hữu lậu dứt tu hoặc từ một phẩm đến năm phẩm, đây là năm người, cùng với người còn bị trói buộc trước thành sáu người, sáu người này đến Thấy đạo, gọi là Sơ quả hướng đến quả Dự lưu. Dứt kế ba, hướng hai: hướng thứ hai. Nghĩa là ở vị phàm phu dứt phẩm thứ sáu hoặc bảy, tám gọi là dứt ba. nghĩa là năm phẩm trước, kế ba phẩm nữa, ở đây có ba người, là dứt kế ba người cho đến Thấy đạo, gọi là hướng thứ hai cho đến quả nhất lai. Nên lìa tám địa hướng ba là hướng thứ ba. nghĩa là trước ở vị phàm phu, dứt dục tu hoặc hết phẩm thứ chín, dứt hoặc một phẩm sở định cho đến hoặc vô sở hữu hết, gọi là tám địa. Ở đây có sáu mươi bốn vị, đó là dứt phẩm thứ chín cõi Dục là một người, dứt bảy địa trên, mỗi địa có chín phẩm hoặc, mỗi địa có chín người, bảy nhân chín thành sáu mươi ba người, cùng với một người trước, thành sáu mươi bốn người. Sáu mươi bốn người này, đến giai vị thấy đạo, gọi là hướng thứ ba, thú hướng quả bất hoàn.

#### 15. Nói về trụ quả chẳng phải Hướng:

Từ phần thứ hai này, y theo mười sáu tâm mà lập ra, trong đó có



hai: a. Nói về lập ra quả vị; b. Nói riêng về trụ quả chẳng phải hưởng. Lại nói thứ nhất lập quả khác nhau. Luận chép: Kế y theo tu đạo lúc đắc đạo loại trí lập ra các Thánh có khác nhau.

Tụng rằng:

*Đến tâm thứ mười sáu  
Theo ba hướng trụ quả  
Gọi tín giải, kiến chí  
Do lợi độn khác nhau.*

Giải thích: Theo ba hướng trụ quả, sáu người của hướng thứ nhất trước, đến Đạo loại trí trụ quả dự lưu, ba người của hướng thứ hai ở trước, đến đạo loại trí trụ quả nhất lai. Sáu mươi bốn người trước đến đạo loại trí trụ quả bất hoàn, gọi là tín giải, Kiến chí: Người trụ quả này, nếu người độn căn thì gọi là Tín giải. Nếu là người lợi căn thì gọi là Kiến chí. Người độn căn trước y theo niềm tin mà thực hành, nay gọi là Tín giải. Nghĩa là do có lòng tin, tướng thắng giải hiển bày, gọi là tín giải. Người lợi căn trước theo pháp mà thực hành, nay gọi là Kiến chí. Nghĩa là do hướng kiến được đến quả kiến, nên gọi là kiến chí. Hai bậc Thánh này, tín-tuệ đều thêm lớn, cho nên gọi Tín giải, Kiến chí khác nhau

Từ phần thứ hay này, nói về trụ quả chẳng phải hưởng. Luận chép: vì sao trước dứt một phẩm tu hoặc của cõi Dục đến năm phẩm v.v... cho đến tâm đạo loại trí thứ mười sáu, chỉ gọi là quả dự lưu v.v... chẳng phải quả hưởng sau. Giải thích: Ý này vì sao dứt năm phẩm chẳng phải Hưởng thứ hai, dứt bảy tám phẩm chẳng phải hưởng thứ ba, dứt bảy địa trên chẳng phải là hưởng thứ tư.

Tụng rằng:

*Trong các vị đắc quả  
Chưa được đạo thù thắng  
Nên chưa khởi thắng đạo  
Gọi trụ quả chẳng hưởng.*

Giải thích: trong các vị đắc quả: Y theo ba quả trước, như dự lưu v.v... chưa đắc quả đạo trên hết, chưa đắc các đạo thắng quả, của năm phẩm v.v... vì thế chưa khởi thắng đạo gọi là trụ quả chẳng phải hưởng. Kết quả ba quả trên, không gọi là hưởng sau. Nghĩa là dứt năm phẩm cho đến đạo loại trí, khởi năm phẩm đạo thắng quả chỉ gọi là quả dự lưu, nên không gọi là hưởng thứ hai. Dứt bảy, tám phẩm cho đến đạo loại trí, chưa khởi bảy, tám phẩm đạo thắng quả, chỉ gọi là quả Nhất lai, không gọi là hưởng thứ ba. Dứt bảy địa trên, đến đạo loại trí, chưa khởi

đạo thắng quả của bảy địa, gọi là quả thứ ba, không gọi là hương thứ tư. Đạo thắng quả: Nghĩa là hương đạo. Nói về hương đạo, thù thắng hơn quả đạo trước, hoặc hương đến quả sau, gọi là đạo quả thù thắng.

Hỏi: Vì sao trước trụ quả chưa đắc đạo thắng quả?

Đáp: Vì đạo thắng quả là hương đạo, nên trụ quả vị, chưa khởi đắc.

### 16. Nói y theo tu đạo Vô học:

Từ phần thứ hai này, y theo tu đạo Vô học, trong đó có hai: 1. Nói về số lượng của đức và thất; 2. Nói rộng về các giai vị trải qua.

- Nói về số đức và thất: Luận chép: Nên y theo tu hoặc mà nói về thứ lớp phát sinh có thể đối trị, gọi là phần vị khác nhau.

Tụng rằng:

*Mỗi địa thất, đức chín*

*Hạ, trung, thượng đều ba.*

Giải thích: Thất: Là lui sụt thất, tức là phiền não sở đoạn. Đức: là công đức, tức đạo năng đoạn. Trong chín địa, mỗi địa tu hoặc, đều có chín phẩm, chín phẩm nhân chín địa bằng tám mươi một phẩm hoặc. Đạo năng đoạn mỗi địa cũng có chín, cộng chung có tám mươi một phẩm đạo Vô gián, tám mươi một phẩm đạo giải thoát.

Hỏi: Thất, đức vì sao mỗi thứ chia làm chín phẩm?

Đáp: Nghĩa là phẩm căn bản thường có hạ-trung-thượng, ba phẩm này mỗi thứ có ba, vì vậy thành chín phẩm.

Hạ phẩm có ba: Đó là hạ hạ, trung trung, trung thượng.

Trung phẩm có ba: Đó là trung hạ, trung trung, hạ thượng.

Thượng phẩm có ba: Đó là thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Nên biết trong đây đạo hạ hạ phẩm sẽ dứt bỏ chướng thượng thượng phẩm, cho đến đạo thượng thượng phẩm sẽ dứt bỏ chướng hạ hạ phẩm. Như giặt y trước gọt vết bẩn lớn sau gọt vết bẩn nhỏ. Lại như trong ánh sáng lớn thì bóng tối nhỏ sẽ diệt, dùng ánh sáng lớn mới diệt bóng tối hẹp. Thất, dứt đối nhau, lý tất nhiên như vậy. Sức pháp trắng (pháp thiện) mạnh thì sức pháp đen (pháp ác) yếu. Vì thế trong khoảng sát-na, đạo hạ hạ phẩm sẽ dứt hoặc thượng thượng phẩm từ vô thỉ. Giống như lúc nào cũng nhóm hợp sự tối tăm, chỉ cần trong khoảng sát-na, ngọn đèn nhỏ có thể xua tan sự tối tăm ấy.

### 17. Nói rộng về trải qua các giai đoạn:

Từ phần thứ hai này, nói rộng về trải qua các giai đoạn trong đây có bốn: 1. Nói về bảy lần sinh của Dự lưu; 2. Nói nhất lai hương, Nhất

lai quả; 3. Nói hương bất hoàn, Quả bất hoàn; 4. Nói về Vô học hương, Vô học quả.

- Nói bảy lần sinh của Dự lưu: Luận chép: trước nên lập ra tất cả đều chưa dứt.

Tụng rằng:

*Chưa dứt tu dứt thất*

*Trụ quả cực bảy lần.*

Giải thích: Chín địa tu hoặc đều chưa dứt gọi là Dự lưu, phải sinh đủ bảy lần. Nghĩa là ở bảy lần thọ sinh cõi trời, người. Nói cực là nói thọ sinh nhiều nhất, cực là không quá bảy lần. Chẳng phải các Dự lưu đều thọ bảy lần. Nói Dự lưu: các đạo vô lậu gọi chung là Lưu (dòng), mới dự vào dòng này gọi là Dự lưu.

Hỏi: Bậc Dự lưu này, gọi như thế là vì sao? Nếu mới đắc đạo gọi là Dự lưu, thì tên Dự lưu nên gọi là nhãn thứ tám? (Nếu Pháp nhãn là thứ tám thì trong tám nhãn, đếm từ sau thì là thứ tám). Nếu mới đắc quả gọi là Dự lưu, thì như vượt qua người đến đạo loại trí đắc hai, ba quả lẽ ra phải gọi là Dự lưu mới phải?

Đáp: Tên gọi Dự lưu này không gọi là thứ tám, mà gọi quả mới đắc, trong bốn quả Sa-môn, chắc chắn là mới đắc. Nhất lai, bất hoàn chẳng nhất định mới đắc. Chắc chắn mới đắc này gọi là Dự lưu.

Hỏi: Vì sao tên gọi này không gọi là thứ tám?

Đáp: Phải đủ ba nghĩa mới gọi là Dự lưu. 1. Có khi đắc quả hương đạo vô lậu; 2. Có khi đắc kiến tu đạo vô lậu; 3. Đối với hiện quán mười sáu dòng tâm biến khắp cho đến đắc. Thứ tám thiếu ba nghĩa này, vì thế dự lưu không gọi là thứ tám. Nói bảy lần sinh: Bảy lần sinh trong cõi người, giữa có sinh, sinh cũng có sinh gọi là bảy lần sinh, trong cõi trời cũng vậy. Mỗi cõi có bảy lần cộng chung hai mươi tám lần sinh, mỗi nơi đều là bảy lần v.v... nên nói cực bảy lần sinh.

Hỏi: Vì sao Dự lưu không thọ sinh lần thứ tám?

Đáp: Vì thân nối tiếp bằng bảy lần sinh này, tất cả Thánh đạo chắc chắn thành tựu. Chung loại Thánh đạo, pháp nên như vậy. Như bảy bước, sốt rét ngày thứ tư, pháp nên như vậy. Đến lần sinh thứ bảy, gặp thời không có Phật pháp, tuy ở thế tục cũng đắc A-la-hán. Đã đắc quả rồi, chắc chắn không ở thế tục, pháp như vậy tự được hình tướng Tỳ kheo.

Hỏi: Dự lưu chưa dứt tu hoặc, bất thiện, vì sao kinh nói Dự lưu gọi là không có pháp đọa lạc? (Không lui sụt, đọa lạc ba đường ác).

Đáp: Ở đây có năm nghĩa: 1. Vì không sinh ra và lớn lên nghiệp

lui sệt đọa lạc; 2. Vì trái với sinh trưởng nghiệp và quả (đối với kia); 3. Vì gốc lành mạnh mẽ giữ gìn thân kia; 4. Vì gia hạnh ý lạc đều thanh tịnh; 5. Các cõi chắc chắn đọa nghiệp đường ác, nhân còn không khởi, hướng chi đắc Dự lưu. Nên có bài tụng rằng:

Ngu gây tội nhẹ, cũng đọa ác (vì không biết hổ thẹn). Trí gây tội nặng cũng thoát khỏi khổ (vì biết hổ thẹn). Như cục sắt nhỏ cũng chìm nước.

Bát bằng sắt lớn cũng nổi được (dẫn ý bài tụng này để nói người ngu gọi là lui sệt đọa, dự lưu gọi là Vô thối đọa).

